

THÔNG TƯ

**Ban hành một số định mức kinh tế - kỹ thuật
phục vụ việc xây dựng kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt; Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành một số định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc xây dựng kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này là một số định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc xây dựng kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này áp dụng cho việc xây dựng, thẩm định kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội trên tuyến đường sắt Gia Lâm - Quán Triều và Gia Lâm - Đồng Đăng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và tổ chức thực hiện kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội trên tuyến đường sắt Gia Lâm - Quán Triều và Gia Lâm - Đồng Đăng.

Điều 4. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt hàng năm (2024-2026) có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, rà soát, bóc tách các chi phí liên quan đến công tác tổ chức chạy tàu an sinh xã hội và gửi về Cục Đường sắt Việt Nam để rà soát, theo dõi, tổng hợp.



2. Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm thực hiện tổng kết, đánh giá công tác thí điểm trong 03 năm thực hiện (2024-2026) để làm cơ sở đề xuất xây dựng ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ tổ chức chạy tàu an sinh xã hội áp dụng trong các năm tiếp theo.

3. Vụ Vận tải có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, kịp thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải các vấn đề phát sinh, vướng mắc.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này áp dụng thí điểm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến hết ngày 01 tháng 02 năm 2028.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Danh Huy



MỘT SỐ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
PHỤC VỤ VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHẠY TÀU AN SINH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2022/TT - BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I
THUYẾT MINH

1. Cơ sở xây dựng

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
- Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt; Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;
- Thông tư số 49/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội;
- Thông tư số 09/2018/TT-BGTVT ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;
- Văn bản số 933/TTg-CN ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chạy tàu an sinh xã hội.

2. Nội dung

Các định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, thẩm định kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội (sau đây gọi là định mức kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm: một số định mức của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt.

3. Giải thích từ ngữ

a) Mức hao phí lao động là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác (không bao gồm công nhân điều khiển máy và thiết bị thi công). Số lượng ngày công đã bao gồm cả công tác chuẩn bị, kết thúc, thu dọn hiện trường. Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của công nhân trực tiếp tham gia thực hiện một đơn vị khối lượng công tác;

b) Số km làm việc trong năm là số km làm việc của đầu máy bình quân trong một năm đầu máy vận dụng;

c) Định mức khấu hao là mức độ giảm giá trị bình quân của đầu máy do hao mòn (vô hình và hữu hình) sau một năm sử dụng;

d) Chi phí sửa chữa là mức chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của đầu máy trong một năm sử dụng;

đ) Định mức tiêu hao nhiên liệu - năng lượng là mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (dầu diesel) để tạo công suất cho động cơ trên phương tiện giao thông đường sắt hoạt động chạy tàu. Đối với đầu máy tính bằng số lít/VTKm; đối với toa xe phát điện được tính số lít/01 lượt tàu chạy;

e) Định mức nhân công điều khiển là số lượng, thành phần, nhóm, cấp bậc công nhân điều khiển, vận hành đầu máy;

g) Định mức chi phí khác là định mức cho các khoản chi phí đảm bảo để đầu máy hoạt động bình thường, có hiệu quả trong một năm sử dụng.

4. Hướng dẫn sử dụng

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật là cơ sở để lập đơn giá, dự toán chi phí cho công tác tổ chức chạy tàu an sinh xã hội trên tuyến đường sắt Gia Lâm - Quán Triều và Gia Lâm - Đồng Đăng;

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật chưa bao gồm chi phí đầu tư, sửa chữa, thay thế, nâng cấp thiết bị chạy tàu và các chi phí khác liên quan đến chuyển đổi công nghệ chạy tàu và bán vé;

c) Đối với một số định mức gồm: Định mức sửa chữa toa xe; định mức hao phí vật tư, vật liệu sửa chữa toa xe; định mức sửa chữa máy phát điện, định mức

khấu hao máy phát điện (nếu máy còn khấu hao); định mức chi phí dùng chung tại các ga (ga đầu cuối và ga có dừng để đón trả khách); định mức chi phí dồn tàu (ngoại trừ chi phí nhiên liệu đã được quy định); định mức chi phí gián tiếp phục vụ chạy tàu an sinh xã hội bao gồm định mức lao động quản lý, lao động phục vụ, lao động bổ sung; hao phí tài sản cố định, công cụ, thiết bị dùng chung (nhà cửa, bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, điều hòa, quạt, đèn chiếu sáng và các trang thiết bị văn phòng khác) phục vụ cho chạy tàu an sinh xã hội; các dịch vụ mua ngoài dùng chung (điện năng, internet, điện thoại, nước và các dịch vụ khác) phục vụ cho chạy tàu an sinh xã hội. Trong quá trình xây dựng, thẩm định kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội, những chi phí này được phép thí điểm áp dụng định mức nội bộ do doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt ban hành hoặc thanh, quyết toán theo giá trị hóa đơn của doanh nghiệp với các đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm phù hợp với thực tế chi phí tàu an sinh xã hội và các quy định hiện hành;

d) Chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác của nhân công trực tiếp phục vụ cho chạy tàu an sinh xã hội được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, bao gồm cả các khoản do người sử dụng lao động chi trả;

e) Chi phí nhiên liệu, năng lượng (C_{NL}): Chi phí nhiên liệu, năng lượng của đầu máy kéo tàu, máy phát điện được xác định theo công thức sau:

$$C_{NL} = \sum_{i=1}^n \mathbb{D}_{NLi} \times G_{NLi} \times K_{Pi}$$

Trong đó:

+ $\mathbb{D}_{NLi}$: Định mức tiêu hao nhiên liệu loại i đầu máy, máy phát điện làm việc.

+ G_{NLi} : Giá nhiên liệu loại i.

+ K_{Pi} : Hệ số chi phí nhiên liệu phụ bao gồm dầu mỡ bôi trơn, dầu chuyên động...loại i đối với động cơ diesel bằng 1,03.



PHẦN II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MỤC 1
MỘT SỐ ĐỊNH MỨC CỦA DOANH NGHIỆP
KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

1. Định mức, đơn giá ca máy đầu máy kéo tàu đường sắt

BẢNG 1. ĐỊNH MỨC, GIÁ CA MÁY ĐẦU MÁY KÉO TÀU

đồng/Km

TT	Đầu máy	Nguyên giá	Số Km/năm	Định mức (%)			Thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy	Trong đó				Giá ca máy
				Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác		CP Khấu hao (Ckh)	Chi phí sửa chữa (Csc)	Chi phí khác (Ckh)	Chi phí tiền lương (Ct)	
1	Đầu máy D10H	4.632.314.747	50.339	0	12,155	4,934	1 x 6/7 + 1 x 3/7	0	11,185	4,540	4,124	19,850
2	Đầu máy D12E	6.336.000.000	51.931	0	14,262	4,934	1 x 6/7 + 1 x 3/7	0	17,401	6,020	4,124	27,545

Ghi chú:

- Giá ca máy trên đã bao gồm chi phí ăn ca;
- Giá ca máy trên chưa bao gồm chi phí nhiên liệu dầu diesel;
- Chi phí sửa chữa đầu máy trên đã bao gồm toàn bộ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thay thế, vật tư, phụ tùng đầu máy các cấp.

2. ASXH. 10000 Định mức nhiên liệu đầu máy kéo tàu

BẢNG 2

TT	Loại đầu máy	Loại công tác	Đơn vị tính	Định mức
1	Đầu máy D10H	Khách	lit/VTKm	43
		Chuyên đồn	lit/giờ	13,5
2	Đầu máy D12E	Khách	lit/VTKm	43
		Chuyên đồn	lit/giờ	12,5

3. Giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt

Giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt và Thông tư số 11/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 5 năm 2018 quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt.

MỤC 2
MỘT SỐ ĐỊNH MỨC CỦA DOANH NGHIỆP
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

1. ASXH. 10100 Định mức bán vé, đón tiễn phục vụ hành khách dưới ga

Thành phần công việc:

- Kiểm tra, chuẩn bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác bán vé;
- Bán vé, đón tiễn phục vụ hành khách dưới ga;
- Thu dọn hoàn thiện.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng đối với công tác bán vé thủ công.

BẢNG 3

Đơn vị tính: lượt/ga

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ga có tác nghiệp hành khách, hành lý
ASXH.10000	Bán vé, đón tiễn	Nhân công Bậc thợ 3/7	công	0,263
				10

2. ASXH. 10200 Định mức cấp nước lên toa xe

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị công cụ, dụng cụ tới vị trí cấp nước;
- Cấp nước lên toa xe đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Thu dọn hoàn thiện.

BẢNG 4

Đơn vị tính: 01 toa xe

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ASXH.10200	Cấp nước lên toa xe	Nhân công Bậc thợ 3/7	công	0,065
				10

3. ASXH. 10300 Định mức khám chữa, chỉnh bị toa xe

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị công cụ, dụng cụ tới vị trí khám chữa, chỉnh bị;
- Khám chữa, chỉnh bị toa xe đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Thu dọn hoàn thiện.



BẢNG 5*Đơn vị tính: 01 toa xe*

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ASXH.10300	Công tác khám chữa, chỉnh bị toa xe	Nhân công Bậc thợ 4/7	công	0,048
				10

4. ASXH. 10400 Định mức nhiên liệu máy phát điện**BẢNG 6***Đơn vị: 01 lượt tàu chạy*

TT	Loại máy phát điện	Mức tàu chạy an sinh xã hội	Lượng tiêu hao nhiên liệu (lít)	
			Quý I - IV	Quý II - III
1	175 KVA	Gia Lâm – Quán Triều	42,30	52,065
2	175 KVA	Gia Lâm – Đồng Đăng	74,475	79,125

5. ASXH. 10500 Định mức phục vụ hành khách trên tàu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị giao nhận ban và tác nghiệp ga đầu, cuối;
- Phục vụ hành khách trên tàu đảm bảo theo đúng quy trình tác nghiệp trên tàu.

BẢNG 7*Đơn vị tính: 01 lượt tàu chạy*

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Tuyến Gia Lâm - Quán Triều	Tuyến Gia Lâm - Đồng Đăng
ASXH.10500	Phục vụ hành khách trên tàu	Nhân công			
		- Trưởng tàu bậc thợ 6/7	công	0,475	1,013
		- Phó trưởng tàu bậc 5/7	công	0,475	1,013
		- Nhân viên trên tàu bậc thợ 3/7	công	1,745	4,051
				10	20



6. ASXH. 10600 Định mức áp tải kỹ thuật theo tàu

6.1. ASXH. 10610 Định mức áp tải kỹ thuật toa xe

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị giao nhận ban và tác nghiệp ga đầu, cuối;
- Áp tải kỹ thuật toa xe đảm bảo theo đúng quy trình tác nghiệp trên tàu.

BẢNG 8

Đơn vị tính: 01 lượt tàu chạy

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Tuyến Gia Lâm - Quán Triều	Tuyến Gia Lâm - Đồng Đăng
ASXH.10610	Công tác áp tải kỹ thuật toa xe	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	công	0,475	1,013
				1	2

6.2. ASXH. 10620 Định mức áp tải kỹ thuật điện theo tàu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị giao nhận ban và tác nghiệp ga đầu, cuối
- Áp tải kỹ thuật điện theo tàu đảm bảo theo đúng quy trình tác nghiệp trên tàu.

BẢNG 9

Đơn vị tính: 1 lượt tàu chạy

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Tuyến Gia Lâm - Quán Triều	Tuyến Gia Lâm - Đồng Đăng
ASXH.10620	Công tác áp tải kỹ thuật điện theo tàu	<i>Nhân công</i> Bậc thợ 4/7	công	0,475	1,013
				1	2